

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn
(tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 992/TNN-NĐĐ ngày 29/5/2019 của Cục quản lý Tài nguyên nước về việc tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 78/GP-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác nước của Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 537/TTr-STNMT ngày 10/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 78/GP-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Địa chỉ: Số 08 Lê Văn Hưu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Mã số thuế: 2800110407.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 01 giếng khai thác nước dưới đất tại khu phố Hà Lương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Cấp nước cho các cơ sở khác để phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác: $G = 6.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho sản xuất nước sạch).

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

$$W = 53 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 2.189 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 116.017 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác nước từ ngày 01/01/2020 đến ngày 14/6/2022 (theo kê khai của đơn vị) và từ ngày 15/6/2022 đến ngày 30/12/2025 (theo hiệu lực Giấy phép khai thác nước dưới đất số 78/GP-UBND) là 2.189 ngày; chế độ khai thác nước là 365/365 ngày.

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác: $M = 2,0\%$ (đối với khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

$T = W \times G \times K \times M = 116.017 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 2,0\% = 19.490.856$ đồng (Mười chín triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng).

9. Phương án nộp tiền: Nộp 01 lần cho cả thời gian được phê duyệt.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định;

- Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15/12); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa:

- Ban hành thông báo đến Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp sản lượng khai thác thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác nước thực tế cao hơn sản lượng đã kê khai nộp tiền, đơn vị phải kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước điều chỉnh bổ sung;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Vĩnh Lộc; UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi